

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH ĐẠT YÊU CẦU TẠI KHOA, ĐƠN VỊ
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
I	Danh sách người hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho đối tượng Bác sĩ										
1.	Vũ Ngọc Chức	Thạc sĩ Bác sĩ CKII	Nội tổng hợp Hồi sức cấp cứu – chống độc	0032772/HCM-CCHN	Nội tổng hợp Hồi sức cấp cứu – chống độc	10	x	Thực hành Chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu Y khoa	Khoa cấp cứu	25 Giường bệnh	25
2.	Phan Thuận An	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp Hồi sức cấp cứu – chống độc	049474/HCM-CCHN	Nội tổng hợp Hồi sức cấp cứu – chống độc	05	x				
3.	Nguyễn Hoàng Đại	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp Hồi sức cấp cứu – chống độc	008509/HCM-CCHN	Nội tổng hợp Hồi sức cấp cứu – chống độc	12	x				
4.	Huỳnh Nhật Huy	Bác sĩ	Y khoa	050002/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	05	x				
5.	Vũ Hải Vân	Bác sĩ	Y khoa	049646/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	05	x				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
6.	Nguyễn Văn Dũng	Bác sĩ CKII	Nội tổng hợp	0026359/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	11	x	Thực hành Chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu Y khoa	Hồi sức tích cực – chống độc	12 giường bệnh	15
7.	Đào Hoàng Quân	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp Hồi sức cấp cứu – chống độc	049744/HCM-CCHN	Nội tổng hợp Hồi sức cấp cứu – chống độc	05	x				
8.	Phan Bá Chung	Bác sĩ CKII	Nội tổng hợp Hồi sức cấp cứu – chống độc	0034451/HCM-CCHN	Nội tổng hợp Hồi sức cấp cứu.	09	x				
9.	Trần Nguyễn Ái Thanh	Tiến sĩ BSCKII	Nội tổng hợp	003626/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	13	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Y khoa	Khoa nội tổng hợp	115 Giường bệnh	45
10.	Võ Tấn Đạt	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	0026219/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	11	x				
11.	Nguyễn Ngọc Hà	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	0032336/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	10	x				
12.	Trần Thị Ngọc Diệu	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	027149/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	08	x				
13.	Mai Hùng Cường	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	044519/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	06	x				
14.	Nguy Như Ngọc Chiêu	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	044518/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	06	x				
15.	Nông Thị Ngọc Lan	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	044933/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	06	x				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
16.	Nguyễn Thị Hoài Thu	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	044943/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	06	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Y khoa	Khoa Nội tổng hợp	115 Giường bệnh	45
17.	Bành Phúc Hậu	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	048548/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	05	x				
18.	Ngô Thế Phi	Bác sĩ CKII	Nội tiết	0021758/HCM-CCHN	Nội tiết	11	x				
19.	Hồ Thị Thanh	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	009878/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	12	x				
20.	Trần Cư	Bác sĩ CKII	Nội Tổng hợp	009851/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	12	x				
21.	Trần Thị Mộng Trinh	Bác sĩ CKI	Nội tiết	0032549/HCM-CCHN	Nội tổng hợp Nội tiết	10	x				
22.	Phạm Thị Ngọc Duy	Bác sĩ CKII	Nội tổng hợp	010514/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	12	x				
23.	Lê Thị Quy	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	043095/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	07	x				
24.	Quách Phước Lộc	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	046405/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	06	x				
25.	Trần Tri Tâm	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	045576/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	06	x				
26.	Đào Quang Hoàng	Thạc sĩ	Nội tổng hợp	0020991/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	11	x	Nội Tim mạch – Lão học	35 Giường bệnh	25	
27.	Đặng Minh Hùng	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	046296/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	06	x				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
28.	Đinh Hữu	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	043764/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	08	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Y khoa	Nội Tim mạch – Lão học	35 Giường bệnh	25
29.	Lê Thị Thu Phương	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	039590/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	08	x				
30.	Đỗ Thị Thủy	Bác sĩ CKI	Nội tổng hợp	039418/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	09	x				
31.	Lê Trần Vinh	Bác sĩ CKII	Nội tổng hợp	009935/HCM-CCHN	Nội tổng hợp Thần kinh	12	x		Khoa nội Thần kinh	30 Giường bệnh	20
32.	Lê Công Trí	Bác sĩ CKI	Nội Thần Kinh	043257/HCM-CCHN	Nội tổng hợp Thần kinh	07	x				
33.	Trần Hà Mai Khương	Bác sĩ CKI	Nội Thần Kinh	042535/HCM-CCHN	Nội tổng hợp Thần kinh	07	x				
34.	Dương Thị Thanh Hoa	Thạc sĩ	Nội tổng hợp	010807/HCM-CCHN	Nội tổng hợp	12	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Y khoa	Chấn thương chỉnh hình	80 Giường bệnh	30
35.	Lê Hoàng Văn Hải	Bác sĩ CKII	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	0029150/HCM-CCHN	Chấn thương chỉnh hình	10	x				
36.	Nguyễn Phạm Phan Vũ	Bác sĩ CKII	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	009894/HCM-CCHN	Chấn thương chỉnh hình	12	x				
37.	Tiêu Hiếu	Bác sĩ CKII	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	0030479/HCM-CCHN	Chấn thương chỉnh hình	10	x				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
38.	Nguyễn Xuân Dũng	Bác sĩ CKII	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	011294/HCM-CCHN	Chấn thương chỉnh hình	12	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Y khoa	Chấn thương chỉnh hình	80 Giường bệnh	30
39.	Bế Minh Kha	Bác sĩ CKI	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	042180/HCM-CCHN	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	08	x				
40.	Phạm Thanh Vũ	Thạc sĩ	Ngoại tổng hợp	046759/HCM-CCHN	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	06	x				
41.	Trương Long Vỹ	Bác sĩ CKII	Ngoại thần kinh	009937/HCM-CCHN	Ngoại thần kinh.	11	x		Ngoại Thần kinh	26 Giường bệnh	05
42.	Mai Hóa	Bác sĩ CKI	Ngoại tổng hợp	009911/HCM-CCHN	Ngoại khoa	12	x		Khoa Ngoại Tổng hợp	50 Giường bệnh	50
43.	Phạm Ngọc Thạch	Bác sĩ CKI	Ngoại tổng hợp	0031113/HCM-CCHN	Ngoại khoa	10	x				
44.	Nguyễn Minh Lý	Bác sĩ CKI	Ngoại tổng hợp	040948/HCM-CCHN	Ngoại khoa	08	x				
45.	Hồ Nam Anh	Bác sĩ CKI	Ngoại tổng hợp	042331/HCM-CCHN	Ngoại khoa	07	x				
46.	Đỗ Hồng Phong	Bác sĩ CKI	Ngoại tổng hợp	042723/HCM-CCHN	Ngoại khoa	07	x				
47.	Nguyễn Hoàng Khánh	Thạc sĩ Y khoa	Ngoại tổng hợp	044553/HCM-CCHN	Ngoại khoa	06	x				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
48.	Nguyễn Văn Sang	Bác sĩ CKI	Ngoại tổng hợp	046230/HCM-CCHN	Ngoại khoa	06	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Y khoa	Khoa Ngoại Tổng hợp	50 Giường bệnh	50
49.	Trần Nam	Thạc sĩ Y khoa	Ngoại tổng hợp	011747/ĐNAI-CCHN	Ngoại khoa	06	x				
50.	Nguyễn Lê Phú	Bác sĩ CKI	Ngoại tổng hợp	050383/HCM-CCHN	Ngoại khoa	05	x				
51.	Phạm Bá Hoàng Minh	Bác sĩ CKI	Ngoại tổng hợp	050446/HCM-CCHN	Ngoại khoa	05	x				
52.	Nguyễn Kim Anh	Thạc sĩ Bác sĩ CKII	Ngoại tổng hợp	0018687/HCM-CCHN	Ngoại khoa	11	x		Khoa Ngoại lồng ngực – mạch máu	20 Giường bệnh	25
53.	Phan Thanh Thái	Bác sĩ CKII	Ngoại - Lồng ngực	0027231/HCM-CCHN	Ngoại khoa	11	x				
54.	Hoàng Nguyễn Quang Minh	Thạc sĩ Bác sĩ	Ngoại khoa	043420/HCM-CCHN	Ngoại khoa	07	x				
55.	Nguyễn Đình Thìn	Thạc sĩ Bác sĩ CKII	Ngoại khoa	0035341/HCM-CCHN	Ngoại khoa	09	x				
56.	Phạm Xuân Vinh	Thạc sĩ Y khoa	Ngoại khoa	046021/HCM-CCHN	Ngoại khoa	06	x				
57.	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Bác sĩ CKI	Sản phụ khoa	013258/HCM-CCHN	Sản phụ khoa	12	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	Khoa Sản	66 Giường bệnh	25
58.	Huỳnh Thị Kim Liên	Bác sĩ CKII	Sản phụ khoa	0022737/HCM-CCHN	Sản phụ khoa	11	x				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
59.	Lê Tổng Thụy Vân	Bác sĩ CKI	Sản phụ khoa	001380/BD-CCHN	Sản-Phụ-KHHGĐ	13	x	Sản phụ khoa Y khoa	Khoa Sản	66 Giường bệnh	25
60.	Trần Thị Kim Ngân	Bác sĩ CKI	Sản phụ khoa	009920/HCM-CCHN	Ngoại - Sản	12	x				
61.	Tô Thị Trâm Anh	Thạc sĩ y học	Sản phụ khoa	002061/HCM-CCHN	Sản-Phụ-KHHGĐ	12	x				
62.	Nguyễn Vũ Quỳnh Hoa	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	0029233/HCM-CCHN	Nhi khoa	10	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi Y khoa	Khoa Nhi	79 Giường bệnh	30
63.	Nguyễn Thu Ngân	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	042108/HCM-CCHN	Nhi khoa	07	x				
64.	Trần Thị Hường	Thạc sĩ Y khoa	Nhi khoa	0023315/HCM-CCHN	Nhi khoa	11	x				
65.	Dương Phạm Bình Long	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	040605/HCM-CCHN	Nhi khoa	09	x				
66.	Đỗ Vũ Long	Bác sĩ	Nhi khoa	043200/HCM-CCHN	Nhi khoa	07	x				
67.	Nguyễn Thị Huyền Trang	Bác sĩ	Nhi khoa	053303/HCM-CCHN	Nhi khoa	04	x				
68.	Hoàng Ngọc Long	Bác sĩ CKI	Mắt	001617/BD-CCHN	Mắt	13	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Khoa Mắt	10 Giường bệnh	10
69.	Nguyễn Lê Huy Anh	Thạc sĩ Bác sĩ	Mắt	050661/HCM-CCHN	Mắt	06	x				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
70.	Nay Mai Sương	Bác sĩ CKII	Da liễu	009242/HCM-CCHN	Da liễu	13	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	Khoa Da liễu	05 Giường bệnh	10
71.	Võ Thị Thu Thùy	Bác sĩ CKI	Da liễu	005310/KH-CCHN	Đa khoa Da liễu	10	x				
72.	Dương Văn Tá	Bác sĩ CKII	Tai mũi họng	009928/HCM-CCHN	Tai mũi họng	13	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Khoa Tai Mũi Họng	25 Giường bệnh	20
73.	Lâm Thế Phương	Bác sĩ CKII	Tai mũi họng	0036472/HCM-CCHN	Tai mũi họng	10	x				
74.	Nguyễn Thanh Điệp	Bác sĩ CKI	Tai mũi họng	009905/HCM-CCHN	Tai mũi họng	13	x				
75.	Lê Thị Thu Hiền	Thạc sĩ Bác sĩ	Tai mũi họng	0018699/HCM-CCHN	Tai mũi họng	12	x				
76.	Ngô Đức Lưu	Thạc sĩ Bác sĩ	Tai mũi họng	004023/QB-CCHN	Tai mũi họng	09	x				
77.	Trương Xuân Sỹ	Bác sĩ CKI	Y học cổ truyền	033555/BYT-CCHN	Y học cổ truyền	08	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền	Khoa y học cổ truyền	22 Giường bệnh	15
78.	Lê Văn Định	Bác sĩ CKI	Y học cổ truyền	051562/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	05	x				
79.	Nguyễn Xuân Tổng	Bác sĩ y học cổ truyền	Y học cổ truyền	0029748/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	11	x				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
80.	Trần Minh Sơn	Bác sĩ CKII	Y học cổ truyền/ Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	010135/HCM-CCHN	Y học cổ truyền/ Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	13	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Y học cổ truyền	Khoa Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng	08 Giường bệnh	20
81.	Vương Đình Khoa	Bác sĩ	Y học cổ truyền	4280/BP-CCHN	Y học cổ truyền	05	x				
82.	Lương Quang Thịnh	Bác sĩ	Y học cổ truyền	046610/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	06	x				
83.	Nguyễn Yến Nhi	Bác sĩ	Y học cổ truyền	046564/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	06	x				
84.	Ngô Thế Phương	Bác sĩ chuyên khoa cấp 2	Răng hàm mặt	001314/HCM-CCHN	Răng hàm mặt	13	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Răng hàm mặt	Khoa Răng Hàm Mặt	06 Giường bệnh 13 ghế nha	20
85.	Trần Thị Bích Như	Bác sĩ CKI	Răng hàm mặt	054243/HCM-CCHN	Răng hàm mặt	03	x				
86.	Nguyễn Anh Tài	Bác sĩ CKI	Răng hàm mặt	047323/HCM-CCHN	Răng hàm mặt	06	x				
87.	Kim Ngọc Tâm	Bác sĩ CKI	Răng hàm mặt	052113/HCM-CCHN	Răng hàm mặt	04	x				
88.	Nguyễn Phi Yến	Bác sĩ	Y khoa	053375/HCM-CCHN	Nội khoa	03	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Tâm thần	Khoa Tâm thần	-	05
89.	Trần Hà Mai Khương	Bác sĩ CKI	Nội Thần Kinh	042535/HCM-CCHN	Nội tổng hợp Thần kinh	06	x		Khoa Nội Thần Kinh	30 Giường bệnh	05

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
II. Danh sách người hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho đối tượng Điều dưỡng, Kỹ thuật viên, Y sĩ											
1.	Hoàng Thị Hà Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0025908/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Điều dưỡng	Khoa Cấp cứu	25 Giường bệnh	25
2.	Vũ Trọng Linh	Cử nhân	Điều dưỡng	0018706/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x				
3.	Nguyễn Trần Khánh Uyên	Cử nhân	Điều dưỡng	034089/HCM-CCHN	Điều dưỡng	08	x				
4.	Đào Lê Kim Yến	Cử nhân	Điều dưỡng	0024851/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x				
5.	Đinh Văn Đức	Cử nhân	Điều dưỡng	011352/HCM-CCHN	Điều dưỡng	12	x				
6.	Nguyễn Thị Linh Đức	Cử nhân	Điều dưỡng	011353/HCM-CCHN	Điều dưỡng	12	x		Khoa Hồi sức tích cực – Chống độc	12 Giường bệnh	10
7.	Nguyễn Thị Thu Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	011332/HCM-CCHN	Điều dưỡng	12	x				
8.	Lê Thị Đào	Cử nhân	Điều dưỡng	0008091/ĐNA I-CCHN	Điều dưỡng	11	x				
9.	Trịnh Thị Thanh	Cử nhân	Điều dưỡng	0018717/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x		Khoa Nội tổng hợp	115 Giường bệnh	45
10.	Phạm Xuân Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	0021042/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x				
11.	Trịnh Thị Thanh	Cử nhân	Điều dưỡng	0018717/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
12.	Võ Thị Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0020431/HCM-CCHN	Điều dưỡng	15	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Điều dưỡng	Khoa Nội tổng hợp	115 Giường bệnh	45
13.	Trà Thị Lan Chi	Cử nhân	Điều dưỡng	011349/HCM-CCHN	Điều dưỡng	12	x				
14.	Nguyễn Thị Thảo	Cử nhân	Điều dưỡng	0022815/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x				
15.	Lê Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0022789/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x				
16.	Trần Ánh Hồng	Cử nhân	Điều dưỡng	037092/HCM-CCHN	Điều dưỡng	09	x				
17.	Nguyễn Duy Hiền	Cử nhân	Điều dưỡng	0027050/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x		Khoa Nội thận – Thận nhân tạo	10 Giường bệnh	25
18.	Phan Thị Vân	Cử nhân	Điều dưỡng	038324/HCM-CCHN	Điều dưỡng	09	x				
19.	Phạm Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	038108/HCM-CCHN	Điều dưỡng	09	x				
20.	Trần Quốc Toàn	Cử nhân	Điều dưỡng	049641/HCM-CCHN	Điều dưỡng	05	x				
21.	Vũ Thị Chi	Cử nhân	Điều dưỡng	0027195/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x				
22.	Lê Thị Tuyết	Cử nhân	Điều dưỡng	0027430/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x	Khoa Nội Tiết	20 Giường bệnh	20	
23.	Nguyễn Thị Dung	Cử nhân	Điều dưỡng	0018693/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
24.	Nguyễn Thị Thu Phương	Cử nhân	Điều dưỡng	0018712/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Điều dưỡng	Khoa Nội Tiết	20 Giường bệnh	20
25.	Vũ Thị Minh Nguyệt	Cử nhân	Điều dưỡng	0028453/HCM-CCHN	Điều dưỡng	10	x				
26.	Nguyễn Thị Hiền	Cử nhân	Điều dưỡng	043031/HCM-CCHN	Điều dưỡng	07	x		Khoa Nội tim mạch lão học	20 Giường bệnh	20
27.	Phạm Thị Loan	Cao đẳng	Điều dưỡng	0021669/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x				
28.	Nguyễn Thị Bảy	Cử nhân	Điều dưỡng	011346/HCM-CCHN	Điều dưỡng	12	x				
29.	Phạm Thị Len	CKI Điều dưỡng	Điều dưỡng	0018705/HCM-CCHN	Điều dưỡng	06	x				
30.	Nguyễn Thị Thanh Uyên	CKI Điều dưỡng	Điều dưỡng	0022762/HCM-CCHN	Điều dưỡng	06	x		Khoa Nội Thần kinh	30 Giường bệnh	5
31.	Kim Thị Dịu	CKI Điều dưỡng	Điều dưỡng	011351/HCM-CCHN	Điều dưỡng	06	x		Khoa Hồi sức tim mạch	25 Giường bệnh	5
32.	Nguyễn Thị Huệ	CKI Điều dưỡng	Điều dưỡng	0026666/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x		Khoa Ngoại tổng hợp	50 Giường bệnh	25
33.	Chu Thị Thùy	Cao đẳng	Điều dưỡng	046813/HCM-CCHN	Điều dưỡng	06	x				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
34.	Đinh Thị Tuyết	Cử nhân	Điều dưỡng	0025442/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Điều dưỡng	Khoa Ngoại tổng hợp	50 Giường bệnh	25
35.	Ngô Thị Vân	Cao đẳng	Điều dưỡng	035281/HCM-CCHN	Điều dưỡng	07	x				
36.	Nguyễn Thị Kim Lâm	Cao đẳng	Điều dưỡng	045091/HCM-CCHN	Điều dưỡng	06	x				
37.	Hoàng Thị Thủy	CKI Điều dưỡng	Điều dưỡng	0018723/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x		Ngoại lồng ngực mạch máu	20 Giường bệnh	15
38.	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Cử nhân	Điều dưỡng	0022743/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x				
39.	Nguyễn Thị Lan Phương	Cử nhân	Điều dưỡng	0021908/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x				
40.	Nguyễn Thị Lan Phương	CKI Điều dưỡng	Điều dưỡng	011308/HCM-CCHN	Điều dưỡng	12	x		Khoa Ung bướu	43 Giường bệnh	15
41.	Nguyễn Thị Hà	Cử nhân	Điều dưỡng	0024907/HCM-CCHN	Điều dưỡng	11	x				
42.	Nguyễn Đức Linh	Cử nhân	Điều dưỡng	011383/HCM-CCHN	Điều dưỡng	05	x		Chấn thương chỉnh hình	80 Giường bệnh	05
43.	Nguyễn Thuý Hằng	CKI Điều dưỡng	Điều dưỡng	0030601/HCM-CCHN	Điều dưỡng	10	x				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
44.	Nguyễn Thị Sương	CKI Điều dưỡng	Điều dưỡng	0026674/HCM-CCHN	Điều dưỡng	06	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Điều dưỡng	Khoa khám bệnh	-	10
45.	Trần Thị Quỳnh	Cử nhân	Điều dưỡng	011312/HCM-CCHN	Điều dưỡng	12	x				
46.	Trương Xuân Sỹ	Bác sĩ CKI	Y học cổ truyền	038677/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	08	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y sĩ Y học cổ truyền	Khoa Y học cổ truyền	22 Giường bệnh	40
47.	Lê Văn Định	Bác sĩ	Y học cổ truyền	051562/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	04	x				
48.	Nguyễn Xuân Tổng	Bác sĩ y học cổ truyền	Y học cổ truyền	0029748/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	10	x				
49.	Vũ Văn Phong	Y sĩ	Y học cổ truyền	0030869/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	10	x				
50.	Trần Thị Mỹ Thu	Y sĩ	Y học cổ truyền	011548/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	12	x				
51.	Lê Thị Tươi	Y sĩ	Y học cổ truyền	011551/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	12	x				
52.	Lâm Văn Chiêu	Y sĩ	Y học cổ truyền	040741/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	08	x				
53.	Lê Trung Thanh	Y sĩ	Y học cổ truyền	011545/HCM-CCHN	Y học cổ truyền	12	x				

TT	Họ và tên	Học hàm học vị, chuyên môn	Ngành, Chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Chứng chỉ sư phạm hoặc chứng chỉ BDPPDHLS	Nội dung thực hành	Tên khoa, đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường, ghế răng đạt yêu cầu thực hành	Số lượng học viên nhận tối đa
54.	Trần Minh Sơn	Bác sĩ CKII	Y học cổ truyền/ Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	010135/HCM-CCHN	Y học cổ truyền/ Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	12	x	Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng	Khoa Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng	08 Giường bệnh 04 Giường tập vật lý trị liệu	30
55.	Nguyễn Trần Duy	Cử nhân	Vật lý trị liệu- phục hồi chức năng	051655/HCM-CCHN	Vật lý trị liệu- phục hồi chức năng	04	x				
56.	Nguyễn Hữu Hiếu	Cử nhân	Phục hồi chức năng	051712/HCM-CCHN	Phục hồi chức năng	04	x				
57.	Nguyễn Thành Nhân	Cử nhân	Phục hồi chức năng	043893/HCM-CCHN	Phục hồi chức năng	07	x				
58.	Võ Công Bảo	Cử nhân	Vật Lý Trị Liệu- Phục Hồi Chức Năng	048964/HCM-CCHN	Vật Lý Trị Liệu- Phục Hồi Chức Năng	05	x				
59.	Phạm Thanh Sơn	Cử nhân	Cử nhân Phục hồi chức năng	049022/HCM-CCHN	Cử nhân Phục hồi chức năng	05	x				

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP BẢNG


Nguyễn Thị Nghĩa



TS.BS. Trần Nguyễn Ái Thanh

